TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-PT
Ngày 24 - 02 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh T

Địa chỉ: Khóm Sở T, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 34, đường Tỉnh Lộ , khóm Trà N, phường Khánh H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy M: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường 30/4, Khóm 2, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Trần Văn B, sinh năm 1965 (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Vườn C, xã Hưng T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn B: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh Vĩnh T1, huyện Thạnh T3, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Thái Thị Siếu K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Tỉnh Lộ, khóm Trà N, phường Khánh H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

5. Chị Trần Thị Diễm M (tên gọi khác: L), sinh năm 1992 (có mặt)

6. Chị Trần Thị Mỹ X, sinh năm 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Vườn C, xã Hưng T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của Hộ kinh doanh T là ông Nguyễn Duy M; người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông do Nguyễn Duy M là chị Lê Thị Thu H trình bày: Ngày 03/06/2015 Hộ kinh doanh Thành L ông Nguyễn Duy M làm chủ với ông Trần Văn B, bà Trần Thị Cẩm L đã thỏa thuận với nhau về việc mua bán thức ăn thủy sản. Do tin tưởng ông B, bà L nên Hộ kinh doanh T chỉ giao kết hợp đồng bằng lời nói mà không lập thành văn bản. Theo thỏa thuận, Hộ kinh doanh T bán thức ăn cho ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L khi vợ chồng ông B và bà L đặt hàng, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi tại kho của ông B, bà L và vợ chồng ông B phải ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối kỳ thanh toán Hộ kinh doanh T sẽ gửi bảng đối chiếu công nợ cho ông B và bà L kiểm tra và ký xác nhận. Cuối mỗi vụ thu tôm ông B và bà L phải thanh toán dứt điểm hết công nợ còn tồn đọng cho Hộ kinh doanh T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn cho tôm và các loại thuốc thủy sản, phía ông B và bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình, để công nợ lên quá cao, Hộ kinh doanh T đã nhiều lần yêu cầu ông B và bà L thanh toán tiền hàng, nếu không thanh toán Hộ kinh doanh T sẽ cắt hàng. Đến ngày 15/12/2017 hai bên tiến hành ký bảng đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó ông B đã ký xác nhận tổng số tiền hàng ông B nợ Hộ kinh doanh T là 1.878.434.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 15/12/2017 ông Bé và bà Loan đã trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 16/12/2017 ông B và bà L tiếp tục trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 18/12/2017 ông B và bà L lấy đơn hàng cuối cùng với số tiền 5.984.000 đồng. Vậy tổng số tiền ông B còn nợ Hộ kinh doanh T tính đến ngày 18/12/2017 là 1.784.418.000 đồng.

Việc ông B và bà L cố tình không trả tiền nợ cho Hộ kinh doanh T đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T. Do vậy, Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Trần Thị

Cẩm L liên đới trả nợ cho Hộ kinh doanh T số tiền gồm: Tiền nợ gốc:1.784.418.000; Tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng kể từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/10/2018 (10 tháng) là:1.784.418.000 đồng x 0.83% x 10 tháng = 148.106.694 đồng. Vậy tổng số tiền ông B và bà L phải trả cho Hộ kinh doanh T tạm tính đến ngày 20/10/2018 là: 1.932.524.694 đồng. Và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 21/10/2018 đến ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn B trình bày: Vợ chồng ông không có giao dịch gì với Hộ kinh doanh T. Thực tế, con gái ông là chị Trần Thị Mỹ X và chị Trần Thị Diễm M (tên gọi khác: L) giao dịch với Hộ kinh doanh T. Mỗi khi Hộ kinh doanh T giao thức ăn cho con ông, con ông không có nhà và ông ký nhận thay. Vì vậy, vào ngày 15/12/2017 ông đã ký tên và ghi rõ họ tên tại bảng đối chiếu xác nhận công nợ mà Hộ kinh doanh T cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, ông nghĩ ký thay cho con ông nên khi ký ông không có đọc nội dung và nhân viên cũng không có đọc nội dung cho ông nghe.

Số tiền 1.932.528.693 đồng mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy sản mà Hộ Kinh doanh T khởi kiện vợ chồng ông, ông nhận hàng thay và ký thay cho hai người con gái là chị X và chị M, không có lần nào ông nhận hàng và ký nhận hàng để phục vụ cho việc nuôi tôm của vợ chồng ông nên vợ chồng ông không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của Hộ kinh doanh T.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm L là vợ ông Trần Văn B, nhiều lần Tòa án triệu tập bà đến Tòa án làm việc nhưng bà L không đến nên Tòa án có xuống trực tiếp nhà bà để ghi nhận ý kiến nhưng bà L không có nhà do vậy không có lời khai của bà L trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên chị Trần Thị Diễm M (L) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2018: Vào năm 2015, chị có giao dịch mua thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh T, chị nuôi tổng cộng 16 công. Khi giao dịch thì Hộ kinh doanh T có lập hợp đồng mua bán (không nhớ thời gian), hợp đồng này Hộ kinh doanh T giữ chứ chị không có giữ nên không cung cấp được cho Tòa án. Tính đến nay, chị M xác định chị còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản là 965.693.000 đồng. Chị M xác định cha mẹ chị là ông B và bà L không có giao dịch mua bán thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh T, việc cha chị là ông B ký tên vào bản đối chiếu công nợ ngày 15/12/2017 là do cha chị ký thay cho chị và chị X. Nay chị đồng ý thanh toán số tiền 965.693.000 đồng cho Hộ kinh doanh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ X trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 9 năm 2019: Từ năm 2015 đến năm 2017 chị có mua thuốc thủy sản và thức ăn cho tôm của Hộ Kinh doanh T, hiện chị còn nợ số tiền 431.863.000 đồng. Khi giao dịch thì Hộ kinh doanh T có lập hợp đồng mua bán (không nhớ thời gian), hợp đồng này Hộ kinh doanh T giữ chứ chị không có giữ. Chị xác định cha mẹ chị là ông B và bà L không có giao dịch mua bán thức

ăn cho tôm và thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh T, việc cha chị là ông B ký bản đối chiếu công nợ ngày 15/12/2017 là do cha chị ký thay cho chị và chị M. Nay chị đồng ý thanh toán số tiền 431.863.000 đồng cho Hộ kinh doanh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị Siếu K trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Duy M, việc kinh doanh của Hộ Kinh doanh T do anh M trực tiếp quản lý và quyết định mọi việc kinh doanh. Bản thân chị bận công việc nên không đến Tòa án làm việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị, mọi vấn đề quyết định của anh M chị K đều thống nhất.

Từ những nôi dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ Kinh doanh T đối với ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L về hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ Kinh doanh T số tiền mua bán còn nợ 2.011.021.242. Trong đó nợ gốc 1.784.418.000 đồng, nợ lãi 226.603.242 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/12/2019, ông Trần Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ kinh doanh T về việc buộc ông và bà Trần Thị Cẩm L trả số tiền 2.011.021.242 đồng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn B vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn B nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Văn B không đồng ý trả số tiền trả số tiền 2.011.021.242 đồng cho Hộ kinh doanh T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Người đại diện của Hộ kinh doanh T xác định: Từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 12 năm 2017, Hộ kinh doanh T có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L. Qua nhiều lần

mua hàng, đến ngày 15/12/2017 hai bên chốt công nợ là 1.828.434.000 đồng; vào ngày 16/12/2017 ông B thanh toán cho hộ kinh doanh T số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, ngày 18/12/2017 ông B đặt đơn hàng giá trị là 5.984.000 đồng, tổng số tiền ông B còn nợ Hộ kinh doanh T là 1.784.418.000 đồng. Đến ngày 09/8/2018, Hộ kinh doanh T đã làm việc và lập biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và ông Trần Văn B cam kết thanh toán về số tiền nợ 1.784.418.000 đồng.

[3.2] Ông B thừa nhận có ký tên vào sổ theo dõi nhận hàng mà Hộ kinh doanh T cung cấp cho Tòa án và có ghi rõ họ tên vào bảng đối chiếu công nợ ngày 15/12/2017 và biên bản làm việc về việc cam kết trả nợ lập ngày 09/8/2018. Tuy nhiên, ông B không thừa nhận có giao dịch mua bán thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh T, ông cho rằng ký tên vào sổ mua bán hàng, xác nhận công nợ của Hộ kinh doanh T là ký thay cho hai người con của ông là chị Trần Thị Mỹ X và chị Trần Thị Diễm M (L).

[3.3] Chị Trần Thị Mỹ X và chị Trần Thị Diễm M xác định: Chị X còn nợ tiền mua bán thức ăn cho tôm và thuốc thủy sản tại Hộ kinh doanh T với số tiền 431.863.000 đồng, chị L nợ 965.693.000 đồng; chị X, chị M đồng ý thanh toán số tiền này cho Hộ kinh doanh T. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của chị X, chị M là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm cả chị X và chị M không cung cấp cho Tòa án bất kỳ văn bản nào chứng minh có việc chị X và chị M có mua thuốc thủy sản và thức ăn cho tôm tại Hộ kinh doanh T. Đồng thời, căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ các ngày 30/5/2017, 23/7/2017, 10/11/2017, 13/12/2017, 15/12/2017 và biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 09/8/2018 đều do ông B ký tên.

[3.4] Phía Hộ kinh doanh T xác định không có bất kỳ giao dịch mua bán nào với chị M và chị X. Sở dĩ quá trình giao dịch mở sổ mua bán hàng ghi tên chị L, chị X là do ông B đề xuất, Hộ kinh doanh T cũng chưa từng ký bất kỳ bảng đối chiếu xác nhận công nợ với chị M, chị X, các bảng đối chiếu công nợ đều do ông B thực hiện và có xảy ra trên thực tế, nên Tòa cấp sơ thẩm buộc ông B và bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ Kinh doanh T số tiền 1.784.418.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Như đã phân tích trên, do Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Hộ Kinh doanh T đối với ông B và bà L. Hộ kinh doanh T yêu cầu ông B, bà L phải chịu số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 09/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/11/2019 đối với số tiền 1.784.418.000 đồng, nên được chấp nhận, số tiền lãi ông B và bà L phải trả cho Hộ kinh doanh T là 226.603.242 đồng. Như vậy, ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ Kinh doanh T tổng số tiền nợ là 2.011.021.242 (trong đó nợ gốc 1.784.418.000 đồng, nợ lãi 226.603.242 đồng).

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, giữ nguyên Bản

án sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm ông Bé phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; điêm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ Kinh doanh T đối với ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L về hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Trần Văn B và bà Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ Kinh doanh T số tiền mua bán còn nợ 2.011.021.242 đồng (Trong đó nợ gốc 1.784.418.000 đồng, nợ lãi 226.603.242 đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn B, bà Trần Thị Cẩm L phải chịu số tiền 72.220.424 đồng; Hộ Kinh doanh T không phải chịu, Hộ Kinh doanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 34.988.000 đồng theo Biên lai thu số 0013299 ngày 18/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng. Ông B đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005072 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.